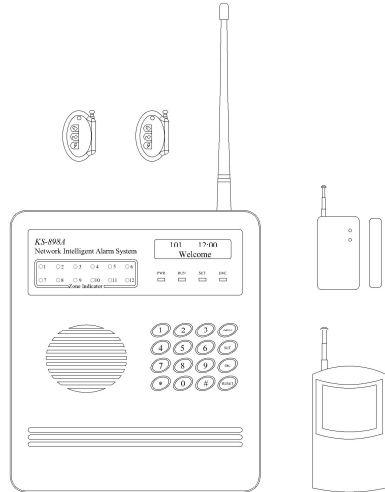


HƯỚNG DẪN LẬP TRÌNH

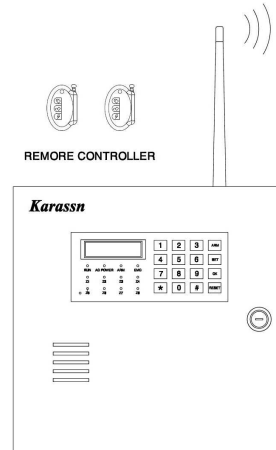
TRUNG TÂM BÁO ĐỘNG THÔNG MINH 16 VÙNG - MODEL: KS-858E

TRUNG TÂM BÁO ĐỘNG THÔNG MINH 12 VÙNG - MODEL: KS-898A

Ghi chú : dành cho nhân viên kỹ thuật



KS-898A



KS-858E

I. CẤU TRÚC LỆNH:

[SET] + [CODE] + [OK] + [PROGRAM DIRECTIVE] + [OK] + [DIRECTIVE INDEX] + [OK] + [RESET]

Ghi chú:

[SET] + [CODE] + [OK] → Đặt trung tâm vào trạng thái lập trình.

Trong đó:

- [SET] + [INSTALLER CODE] + [OK] → Vào trạng thái lập trình Cài đặt

- [SET] + [MASTER CODE] + [OK] → Vào trạng thái lập trình Quản lý

II. LẬP TRÌNH HỆ THỐNG:

[SET] + [CODE] + [OK] → Đặt trung tâm vào trạng thái lập trình

Ghi chú:

- Mã cài đặt (INSTALLER CODE) mặc định là **000000** và Mã quản lý (MASTER CODE) mặc định là **1234**

- Không có Mã sử dụng (USER CODE) được thiết lập trước.

- Bấm phím RESET để trở về danh mục trước hoặc khi nhập sai lệnh.

- Trong vòng 60 giây nếu không có chỉ thị, hệ thống tự động sẽ thoát khỏi chế độ lập trình.

1. **Chỉ thi 00:** Thay đổi Mã cài đặt (INSTALLER CODE mặc định là **000000**)

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[00] + [OK] + [NEW CODE] + [NEW CODE] + [OK]

Ví dụ: Đổi mã cài đặt sang 123455 ta thao tác

[00] + [OK] + [123456] + [123456] + [OK]

2. **Chỉ thi 01 - 09:** Thay đổi Mã Quản lý (MASTER CODE) và Mã sử dụng (USER CODE)

Trong trạng thái lập trình Cài đặt hoặc lập trình Quản lý, ta bấm:

[01] + [OK] + [USER CODE] + [USER CODE] + [OK] → Thiết lập mã sử dụng thứ 1
[02] + [OK] + [USER CODE] + [USER CODE] + [OK] → Thiết lập mã sử dụng thứ 2

.....
[08] + [OK] + [USER CODE] + [USER CODE] + [OK] → Thiết lập mã sử dụng thứ 8
[09] + [OK] + [MASTER CODE] + [MASTER CODE] + [OK] → Thiết lập mã Quản lý

Ghi chú:

- Mã Quản lý (MATER CODE) và Mã Sử dụng (USER CODE) gồm có 4 chữ số.
- Mã Quản lý mặc định là **1234** và không có Mã Sử dụng nào được thiết lập trước.
- Các Mã Sử dụng không được trùng nhau, 8 Mã Sử dụng và 8 remote cho 8 USER riêng biệt.

3. Chỉ thị 10 - 14: Cài đặt số điện thoại báo động

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[10] + [OK] + [PHONE No.] + [OK] → Cài số điện thoại thứ 1

[11] + [OK] + [PHONE No.] + [OK] → Cài số điện thoại thứ 2

.....
[14] + [OK] + [PHONE No.] + [OK] → Cài số điện thoại thứ 5

Ghi chú:

- Để xóa số điện thoại đã cài đặt ta bấm
[10] + [OK] + [#] + [OK] → Xóa số điện thoại thứ 1
[11] + [OK] + [#] + [OK] → Xóa số điện thoại thứ 2

.....
[14] + [OK] + [#] + [OK] → Xóa số điện thoại thứ 5

- Thêm dấu "*" khi cần quay số mở rộng.

Ví dụ: Cài số điện thoại thứ 1 là 81234567 và số mở rộng là 804 ta thao tác

[10] + [OK] + [81234567*804] + [OK]

- Các số điện thoại kể cả dấu "*" đều không được quá 20 chữ số.

4. Chỉ thị 15 - 19: Thiết lập danh sách vùng quay số điện thoại tương ứng khi có báo động

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[15] + [OK] + [APPOINTED ZONE No.] + [OK] → Để chỉ định các vùng quay số điện thoại thứ 1

[16] + [OK] + [APPOINTED ZONE No.] + [OK] → Để chỉ định các vùng quay số điện thoại thứ 2

.....
[19] + [OK] + [APPOINTED ZONE No.] + [OK] → Để chỉ định các vùng quay số điện thoại thứ 5

Ví dụ: Thiết lập các vùng 1, 3, 5, 7 quay số điện thoại thứ 1 khi có báo động, ta thao tác:

[15] + [OK] + [1 3 5 7] + [OK]

Mặc định tất cả các vùng sẽ quay đến tất cả các số điện thoại được cài đặt trước.

5. Chỉ thị 20: Cài đặt chế độ quay số

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[20] + [OK] + [0 HOẶC 1] + [OK] → 0 cho Tone và 1 cho Pulse, mặc định là 0

6. Chỉ thị 21: Cài đặt giao thức truyền thông

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[21] + [OK] + [xxxxx] + [OK] → Trong đó x = 0 hoặc 1, 0 cho báo động âm thanh và 1 cho báo động giao thức Contact ID. Mặc định tất cả số điện thoại được đặt ở báo động âm thanh (tức x = 0)

7. Chỉ thị 22: Cài đặt chu kỳ quay số điện thoại báo động

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[22] + [OK] + [x] + [OK] → Trong đó x có giá trị từ 1 đến 9. Mặc định là 5 chu kỳ.

8. **Chỉ thị 23:** Cài đặt thời gian đồ chuông khi kích hoạt hệ thống từ xa

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[23] + [OK] + [xx] + [OK] → Trong đó xx có giá trị từ 05 đến 15, mặc định xx = 08. Khi trung tâm nhận cuộc gọi từ xa, sau 8 hồi chuông, hệ thống sẽ đi vào chế độ lập trình từ xa.

9. **Chỉ thị 26:** Cài đặt còi báo động không dây (KS-70A hoặc KS-70B)

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[26] + [OK] + [MÃ CÒI 8 SỐ] + [OK] → 8 chữ số mã còi được dán dưới thân còi.

Để xóa chế độ hỗ trợ còi không dây, ta thao tác:

[26] + [OK] + [x] + [OK] → Mặc định, trung tâm không được cài đặt trước mã còi không dây

10. **Chỉ thị 30:** Cài đặt thuộc tính vùng

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[30] + [OK] + [xxxxxxx] + [OK] → x là thuộc tính của mỗi vùng và có giá trị từ 0 đến 7 theo bảng dưới đây

0: Không sử dụng

1: Báo cháy

2: Báo khí gas

3: Báo khẩn cấp

4: Báo cấp cứu

5: Báo động đột nhập

6: Báo vượt rào

7: Báo khách

Ghi chú:

- Các thuộc tính từ 1 – 4 là dạng báo động khẩn cấp 24 giờ/ngày và không thể kiểm soát tắt/mở.
- Thuộc tính 7 chỉ để chuông báo khách và không quay số điện thoại báo động.
- Mặc định tất cả các vùng được đặt ở thuộc tính báo động đột nhập

11. **Chỉ thị 31:** Cài đặt tốc độ đáp ứng vùng có dây

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[31] + [OK] + [xxxxxxx] + [OK] → x là tốc độ đáp ứng của các vùng từ 1 đến 8 và có giá trị như bảng dưới đây

1: 50 ms

2: 100 ms

3: 250 ms

4: 500 ms

5: 750 ms

Mặc định x = 2 tức tốc độ đáp ứng là 100 ms

12. **Chỉ thị 32:** Cài đặt dạng mạch ngõ vào cho các vùng có dây

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[32] + [OK] + [xxxxxxx] + [OK] → x là dạng mạch ngõ vào của các vùng từ 1 đến 8 và có giá trị như bảng dưới đây

1: NO – Thường hở

2: NC – Thường đóng

3: End of Line Resistance – Điện trở cuối

Mặc định x = 2, tức các vùng được đặt ở dạng ngõ vào thường đóng.

13. **Chỉ thị 33:** Cài đặt thời gian trì hoãn vào/ra cho các vùng chỉ định

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[33] + [OK] + [ALARM DELAY TIME] + [ARM DELAY TIME] + [APPOINTED ZONES 1-8] + [OK]

- ALARM DELAY TIME: Thời gian trì hoãn vào có giá trị từ 00 đến 99 giây

- ARM DELAY TIME: Thời gian trì hoãn ra có giá trị từ 00 đến 99 giây

Ví dụ: Cài thời gian trì hoãn vào là 30 giây và thời gian trì hoãn ra là 50 giây cho các vùng 1, 3, 5, 7 ta thao tác

[33] + [OK] + [30] + [50] + [1 3 5 7] + [OK]

Mặc định thời gian trì hoãn vào/ra là 00 giây.

14. **Chỉ thị 35:** Cài đặt thời gian hú còi cho các vùng chỉ định

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[35] + [OK] + [ALARM DURATION] + [APPOINTED ZONES 1-8] + [OK]

X biểu thị cho các vùng từ 1 đến 8 và thời gian hủ còi từ 00 đến 99 phút (mặc định là 20 phút)

Ví dụ:

Cài thời gian hủ còi cho các vùng 2, 4, 6 là 30 phút ta thao tác

[35] + [OK] + [30] + [2 4 6] + [OK]

15. **Chỉ thị 36:** Hẹn giờ bật/tắt trung tâm lần thứ 1

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[36] + [OK] + [ARM TIME] + [DISARM TIME] + [PARTITION No.] + [OK]

- ARM/DISARM TIME: Thời gian bật/tắt trung tâm gồm 4 chữ số: 2 chữ số đầu biểu thị giờ và 2 chữ số sau biểu thị cho phút.

- PARTITION No. biểu thị cho các phân vùng từ 1 đến 8 và có giá trị là 9 cho tất cả các phân vùng

Ví dụ:

Hẹn giờ bật/tắt trung tâm lần thứ 1 cho tất cả các phân vùng là 08:00 và 18:00 ta thao tác

[36] + [OK] + [0800] + [1800] + [9] + [OK]

Để xóa hẹn giờ lần thứ 1 ta bấm: [36] + [OK] + [#] + [OK]

16. **Chỉ thị 37:** Hẹn giờ bật/tắt trung tâm lần thứ 2

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[37] + [OK] + [ARM TIME] + [DISARM TIME] + [PARTITION No.] + [OK]

- ARM/DISARM TIME: Thời gian bật/tắt trung tâm gồm 4 chữ số: 2 chữ số đầu biểu thị giờ và 2 chữ số sau biểu thị cho phút.

- PARTITION No. biểu thị cho các phân vùng từ 1 đến 8 và có giá trị là 9 cho tất cả các phân vùng

Ví dụ:

Hẹn giờ bật/tắt trung tâm lần thứ 2 cho các phân vùng 1, 2 là 18:20 và 07:40 ta thao tác

[37] + [OK] + [1820] + [0740] + [1 2] + [OK]

Để xóa hẹn giờ lần thứ 2 ta bấm: [37] + [OK] + [#] + [OK]

17. **Chỉ thị 38:** Thiết lập ngày giờ cho trung tâm

Trong trạng thái lập trình cài đặt hoặc lập trình Quản lý, ta bấm:

[38] + [OK] + [MONTH] + [DATE] + [HOUR] + [MINUTES] + [OK]

MONTH/DATE/HOUR/MINUTES: Tháng/ngày/giờ/phút được biểu thị bằng 2 chữ số

18. **Chỉ thị 41 - 48:** Đăng ký các phân vùng

Trong trạng thái lập trình cài đặt hoặc lập trình Quản lý, ta bấm:

[41] + [OK] + [APPOINTED ZONE No.] + [OK] → Để đăng ký phân vùng thứ 1

[42] + [OK] + [APPOINTED ZONE No.] + [OK] → Để đăng ký phân vùng thứ 2

.....
[48] + [OK] + [APPOINTED ZONE No.] + [OK] → Để đăng ký phân vùng thứ 8

Ghi chú:

- APPOINTED ZONE No.: Vùng chỉ định có giá trị từ 1 – 8.

- Có thể đăng ký được 8 phân vùng và các vùng chỉ định có thể được đăng ký ở các phân vùng khác nhau.

- 8 người sử dụng sẽ có 8 User Code và 8 Remote cho từng phân vùng tương ứng.

Để xóa các phân vùng, ta thao tác:

[41] + [OK] + [#] + [OK] → Để xóa phân vùng thứ 1

[42] + [OK] + [#] + [OK] → Để xóa phân vùng thứ 2

.....
[48] + [OK] + [#] + [OK] → Để xóa phân vùng thứ 8

Ví dụ:

Để đăng ký các vùng chỉ định 1, 3, 5, 7 vào phân vùng 1 ta thao tác:

[41] + [OK] + [1 3 5 7] + [OK]

19. **Chỉ thi 50:** Ghi âm lời nhắn

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[50] + [OK] để vào trình đơn ghi lại và bấm [0] + [OK] để bắt đầu ghi âm tin nhắn trong thời gian 10 giây. Sau đó tắt microphone và bấm [OK] để kết thúc ghi âm, bấm [1] + [OK] để nghe lại tin nhắn vừa ghi.

20. **Chỉ thi 60:** Đăng ký và xóa các bộ điều khiển từ xa (Remote Controller)

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

- [60] + [OK] để vào trình đơn đăng ký remote. Sau đó bấm mã tương ứng từ 1 – 8 cho 8 remote bấm phím [OK] để xác nhận.

- Trong trình đơn đăng ký remote, ta bấm:

[1] + [OK] → Để đăng ký remote thứ 1

[2] + [OK] → Để đăng ký remote thứ 2

.....

[8] + [OK] → Để đăng ký remote thứ 8

Để xóa các remote đã đăng ký, ta bấm:

[1] + [OK] + [#] + [OK] → Để xóa remote thứ 1

[2] + [OK] + [#] + [OK] → Để xóa remote thứ 2

.....

[8] + [OK] + [#] + [OK] → Để xóa remote thứ 8

Ghi chú:

8 remote và 8 USER CODE dành cho 8 người sử dụng và có thể thao tác độc lập trên 8 phân vùng tương ứng

21. **Chỉ thi 71 - 78:** Đăng ký và xóa các đầu dò

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

- [71] + [OK] → Để vào trạng thái đăng ký cho vùng 1.

Sau đó bấm:

[1] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 1

[2] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 2

[3] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 3

- [72] + [OK] → Để vào trạng thái đăng ký cho vùng 2.

Sau đó bấm:

[1] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 1

[2] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 2

[3] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 3

.....

- [78] + [OK] → Để vào trạng thái đăng ký cho vùng 8.

Sau đó bấm:

[1] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 1

[2] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 2

[3] + [OK] để đăng ký cho đầu dò thứ 3

Để xóa các đầu dò đã đăng ký, ta bấm:

- [71] + [OK] → Để vào trạng thái đăng ký cho vùng 1.

Sau đó bấm:

[1] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 1

[2] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 2

[3] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 3

- [72] + [OK] → Để vào trạng thái đăng ký cho vùng 2.

Sau đó bấm:

[1] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 1

[2] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 2

[3] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 3

.....

- [78] + [OK] → Để vào trạng thái đăng ký cho vùng 8.

Sau đó bấm:

[1] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 1

[2] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 2

[3] + [OK] + [#] + [OK] để xóa đầu dò thứ 3

Ghi chú:

Để xóa tất cả các đầu dò đã đăng ký, ta bấm: [79] + [OK] + [#] + [OK]

22. **Chỉ thị 80:** Reset trung tâm về trạng thái mặc định

Trong trạng thái lập trình cài đặt, ta bấm:

[80] + [OK] + [#] + [OK]

Nếu cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ nhà cung cấp hoặc đại lý gần nhất.

Hàng sẽ không được bảo hành nếu khách hàng tự ý lập trình sai theo hướng dẫn sử dụng, cài đặt...